## *Các bản dữ liệu*

### ***Bảng thể loại***

Bảng 3.1 Bảng thể loại(category)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã thể loại |
| Name | nvarchar(255) | Y | Tên thể loại |
| slug | varchar(255) | Y | Tên thể loại dùng trong việc làm địa chỉ web |
| parentid | int | Y | Cấp cha(phân cấp) |
| orders | int | Y | Vị trí hiển thị |
| metakey | nvarchar(150) | N | Từ khóa seo |
| metadesc | nvarchar(150) | N | Mô tả seo |
| created\_at | smalldatetime | Y | Thời gian tạo |
| created\_by | int | Y | Tạo bởi ai |
| updated\_at | smalldatetime | Y | Người chỉnh sửa |
| updated\_by | int | Y | Thời gian chỉnh sửa |
| status | int | Y | Trạng thái |

Bảng thể loại dùng để ghi nhận thông tin, danh sách các thể loại của xe moto. Mỗi sản phẩm sẽ thuộc một thể loại và một thể loại sẽ có thể có nhiều sản phẩm. Khách hàng sẽ có thể tìm loại như vầy. Chức năng quản lý quản lý cho phép người quản lý tạo các các thể loại cũng như thay đổi thông tin và xóa các thể loại đó. Các thể loại đều có lưu thời gian được tạo cũng như thời điểm được chỉnh sửa gần đây nhất và dĩ nhiên là thông tin cho biết ai là người đã thực hiện thay đổi trên. Thông tin thể loại sẽ còn có hình ảnh, mô tả về thể loại.

### ***Bảng chủ đề bài viết***

Bảng 3.2 Bảng chủ đề bài viết(topic)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã thể loại |
| Name | nvarchar(255) | Y | Tên thể loại |
| slug | varchar(255) | Y | Tên thể loại dùng trong việc làm địa chỉ web |
| parentid | int | Y | Cấp cha(phân cấp) |
| orders | int | Y | Vị trí hiển thị |
| metakey | nvarchar(150) | N | Từ khóa seo |
| metadesc | nvarchar(150) | N | Mô tả seo |
| created\_at | smalldatetime | Y | Thời gian tạo |
| created\_by | int | Y | Tạo bởi ai |
| updated\_at | smalldatetime | Y | Người chỉnh sửa |
| updated\_by | int | Y | Thời gian chỉnh sửa |
| status | int | Y | Trạng thái |

Bảng chủ đề bài viết dùng để ghi nhận thông tin, danh sách các chủ đề của bài viết. Mỗi bài viết sẽ thuộc một chủ đề và một chủ đề sẽ có thể có nhiều bài viết. Khách hàng sẽ có thể tìm bài viết thuộc thể loại mình ưa thích một cách nhanh hơn nếu cơ sở dữ liệu có thống kê các chủ đề như vầy. Chức năng quản lý tác giả cho phép người quản lý tạo các chủ đề cũng như thay đổi thông tin và xóa các chủ đề. Các chủ đề đều có lưu thời gian được tạo cũng như thời điểm được chỉnh sửa gần đây nhất và dĩ nhiên là thông tin cho biết ai là người đã thực hiện thay đổi tên. Thông tin chủ đề sẽ còn có hình ảnh, mô tả về chủ đề.

### ***Bảng nhà bài viết***

Bảng 3.3 Bảng nhà bài viết(post)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã thể loại |
| topid | int | Y | Chủ để cha |
| title | nvarchar(MAX) | Y | Tiêu đề bài viết |
| slug | varchar(255) | Y | Tên thể loại dùng trong việc làm địa chỉ web |
| detail | ntext | Y | Chi tiết bài viết |
| img | varchar(255) | Y | Hình ảnh bài viết |
| type | varchar(50) | Y | Loại bài viết |
| metakey | nvarchar(150) | N | Từ khóa seo |
| metadesc | nvarchar(150) | N | Mô tả seo |
| created\_at | smalldatetime | Y | Thời gian tạo |
| created\_by | int | Y | Tạo bởi ai |
| updated\_at | smalldatetime | Y | Người chỉnh sửa |
| updated\_by | int | Y | Thời gian chỉnh sửa |
| status | int | Y | Trạng thái |

Bảng bài viết dùng để ghi nhận thông tin, danh sách các bài viết. Mỗi bài viết sẽ đi kèm thông tin như tên tiêu đề, chi tiết, hình ảnh. Bài viết cũng sẽ còn được ghi nhận thời gian và người đã tạo ra nó tương tự với thời gian và người đã thực hiện việc chỉnh sửa nó. Trạng thái sẽ cho biết tình trạng của sản phẩm này còn hàng hay là không, lượt xem sẽ cho biết số lần các khách hàng bấm vào xem bài viết.

### ***Bảng vé***

Bảng 3.4 Bảng sản phẩm(ticket)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã sản phẩm |
| Name | nvarchar(MAX) | Y | Tên sản phẩm |
| description | nvarchar(255) | N | Mô tả vé |
| flightCode | char(50) | Y | Mã vé |
| airline | nvarchar(255) | Y | Hình ảnh hãng bay |
| airport | nvarchar(255) | Y | Sân bay |
| ticketType | nvarchar(255) | N | Loại vé(thường, thương gia) |
| img | nvarchar(255) | Y | Hình ảnh đại diện cho vé |
| departure\_address | nvarchar(255) | N | Đia chỉ khởi hành(nơi bay) |
| arrival\_address | nvarchar(255) | Y | Địa chỉ đến(nơi đến) |
| price | float | y | Giá vé |
| priceSale | float | y | Giá km |
| Sold | int | y | Số ghế đã đặt |
| created\_at | smalldatetime | y | Ngày tạo vé |
| created\_by | int | y | Tạo bởi ai? |
| updated\_at | smalldatetime | y | Ngày update |
| updated\_by | int | y | Update bở ai |
| status | int | y | Trạng thái vé |

Bảng sản phẩm dùng để ghi nhận thông tin, vé

### ***Bảng đơn đặt hàng***

Bảng 3.5 Bảng đơn đặt hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã đơn hàng |
| Update\_At | smalldatetime | Y | Cập nhật |
| Update\_By | int | N | Cập nhật bởi |
| DeliveryName | nvarchar(100) | N | Tên khách hàng |
| DeliveryPhone | varchar(255) | N | Sdt khách hàng |
| UserID | int | Y | Mã khách hàng |

Bảng đơn hàng dùng để ghi nhận thông tin, danh sách các đơn hàng. Mỗi đơn hàng sẽ đi kèm thông tin của người đặt. Đơn hàng cũng sẽ còn được ghi nhận thời gian và người đã tạo ra nó tương tự với thời gian và người đã thực hiện việc chỉnh sửa nó. Trạng thái giao hàng sẽ cho biết tình trạng vận chuyển của đơn hàng còn trạng thái đơn hàng sẽ cho biết đơn hàng đó đã hoàn thành, bị hủy hoặc đã được xác nhận bởi quản trị viên.

### ***Bảng chi tiết đơn đặt hàng***

Bảng 3.6 Bảng chi tiết đơn hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| OrderID | int | Y | Mã đơn hàng |
| ProductID | int | Y | Mã sản phẩm |
| Number | int | Y | Số lượng mua |
| Price | decimal(18,2) | Y | Đơn giá |

Bảng chi tiết đơn đặt hàng sẽ ghi nhận thông tin của đơn hàng bao gồm các sản phẩm nào với số lượng và đơn giá khi đặt mua chúng. Bất cứ thay đổi nào trên chi tiết đơn đặt hàng sẽ dẫn đến thời gian và người đã thực hiện việc chỉnh sửa trên bảng đơn đặt hàng sẽ được cập nhật.

### ***Bảng người dùng***

Bảng 3.7 Bảng người dùng(user)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | int | Y | Mã người dùng |
| UserName | varchar(255) | Y | Tên đăng nhập |
| Password | varchar(64) | Y | Mật khẩu |
| FullName | nvarchar(255) | Y | Họ và tên |
| Gender | nvarchar(5) | N | Giới tính |
| Address | nvarchar(250) | Y | Địa chỉ |
| Phone | nvarchar(250) | Y | Điện thoại |
| Email | nvarchar(255) | Y | Địa chỉ mail |
| CreatedAt | smalldatetime | Y | Ngày tạo |
| CreatedBy | int | N | Người tạo |

Bảng người dùng sẽ lưu thông tin, danh sách các người dùng của trang web. Mỗi người dùng sẽ thuộc một nhóm người dùng bất kỳ. Người dùng cũng sẽ còn được ghi nhận thời gian và người đã tạo ra nó tương tự với thời gian và người đã thực hiện việc chỉnh sửa nó.

Mỗi người dùng sẽ có một tài khoản có tên đăng nhập, mật khẩu, hình đại diện, nhóm người dùng của tài khoản và các quyền của nhóm đó.

- Admin: toàn quyền hệ thống, quản lý tất cả các hoạt động trên hệ thống bao gồm thêm user mới (tài khoản này sẽ thuộc nhóm người dùng chưa có nhóm), thay đổi hồ sơ và mật khẩu của tài khoản bản thân, chức vụ, thêm, xóa quyền cho nhóm và đặt mật khẩu mới ngẫu nhiên cho các user sau đó thông tin sẽ gửi về mail của user đó. Có thể thêm sản phẩm, loại sản phẩm, bài viết mới cũng như xóa, thay đổi thông tin của chúng. Admin còn có quyền thay đổi thông tin các đơn hàng và là nhóm duy nhất có quyền xóa tài khoản.

- Mod (Nhân viên): chỉ có quyền đăng nhập vào hệ thống và có thể thay đổi thông tin các sản phẩm, loại sản phẩm, bài viết mới cũng như xóa, đơn hàng, thay đổi hồ sơ và mật khẩu của tài khoản bản thân. Nhóm này sẽ không có quyền xóa nào cả.

- Member (Khách hàng): các khách hàng sẽ không có quyền vào trang quản lý và chỉ có thể đặt mua các đơn hàng, xem thông tin của chúng cũng như , thay đổi hồ sơ và mật khẩu của tài khoản bản thân.

### ***Bảng quyền***

Bảng 3.9 Bảng quyền

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| ID | nvarchar(128) | Y | Mã quyền |
| Name | nvarchar(250) | Y | Tên quyền |

Bảng quyền sẽ lưu thông tin danh sách các quyền của hệ thống. Các quyền sẽ được phân bổ vào các nhóm người dùng của hệ thống, bảng chi tiết quyền của nhóm người dùng sẽ là nơi lưu trữ thông tin này. Người quản lý có thể xem danh sách các quyền của hệ thống để quản lý tốt hơn.

### ***Bảng chi tiết quyền của nhóm người dùng***

Bảng 3.10 Bảng chi tiết quyền của người dùng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Chú thích** |
| UserGroupID | nvarchar(128) | Y | Mã nhóm người dùng |
| RoleID | nvarchar(128) | Y | Mã quyền |

Bảng chi tiết quyền của nhóm người dùng sẽ lưu thông tin danh sách chi tiết các quyền của từng nhóm người dùng. Người quản lý có thể tahy đổi quyền của các nhóm người dùng tại bảng này và sẽ có các giới hạn về quyền của các nhóm người dùng có thể có. Ví dụ nhóm khách hàng sẽ không thể có quyền đăng nhập vào trang quản trị.